TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2017/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 30 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1976.
- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1960.

Cùng cư trú tại: ấp TAC, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S với ông Phạm Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Văn N tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Văn N tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên Phạm Văn T, sinh ngày 19/10/2001 cho ông N nuôi dưỡng và giao con chung tên Phạm Văn Ng, sinh ngày 13/8/2006 cho bà S nuôi dưỡng, phù

hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn được sống với cha và nguyện vọng của cháu Ng là muốn được sống với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Văn N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Ngày 18 tháng 10 năm 2017, bà Nguyễn Thị S có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn với ông Phạm Văn N do bà và ông N đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung xong. Ông Phạm Văn N thống nhất việc bà S rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Hai đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết tiếp phần yêu cầu này. Do đó, Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn của bà Nguyễn Thị S.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Văn N thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị S tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà bà S đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/0010421 ngày 26/9/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà S 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm và 7.500.000 đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2015/0010422 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Phạm Văn N không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo